

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2010 - 2011

Lớp Học : 3401

Học Kỳ : 1

Môn Học : Cơ học lý thuyết

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	337401000	Hà Văn Anh						6	8						3			7.3	5.2			
2	344401000	Dương Hoàng Duy						7	8						4			7.7	5.9			
3	344401000	Trần Thanh Duy	0	0														0.0	0.0			Học lại
4	337401003	Nguyễn Quốc Đăng							6	5					4	7		5.5	4.8	6.3		Học lại
5	327401001	Lê Đức Đệ	0	5														2.5	1.3			
6	334000016	Lã Văn Hải						0	6						2	3		4.0	3.0	3.5		
7	344401000	Ngô Văn Hiền						8	7						2	4		7.3	4.7	5.7		
8	344401000	Lê Thái Hoàn						8	8						3			8.0	5.5			
9	334000003	Lưu Thế Hùng							6	6					4			6.0	5.0			Học lại
10	344401000	Phan Tấn Khôi						8	7						5			7.3	6.2			
11	334000004	Hồ Trần Lâm							6	7					0	2		6.5	3.3	4.3		Học lại
12	344401000	Nguyễn Duy Lân						8	7						3			7.3	5.2			
13	334000004	Trần Văn Mạnh	0	0											0			0.0	0.0			Học lại
14	344401001	Trương Nguyễn Chí Minh						8	7						5			7.3	6.2			
15	344401001	Lê Tiến Phát						8	8						5			8.0	6.5			
16	344401001	Tống Ngọc Duy Sinh						8	7						3			7.3	5.2			
17	344401001	Hồ Minh Tân						8	7						1	5		7.3	4.2	6.2		
18	344401001	Phong Hữu Tài						8	8						3			8.0	5.5			
19	344401001	Diệt Châu Thanh						6	6						0	0		6.0	3.0	3.0		

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	344401001	Trần Thái	Thượng					7	7						4			7.0	5.5			
21	344401001	Võ Bá	Trung					8	8						4			8.0	6.0			
22	344401002	Nguyễn Ngọc	Trường					8	8						2			8.0	5.0			
23	334000008	Lê Thanh	Tuấn					8	8						2			8.0	5.0			
24	327401010	Phan Đức	Tuấn	0	0													0.0	0.0			
25	334000008	Trần Anh	Tuấn					6	7						1	4		6.7	3.9	5.4		
26	334000008	Lê Trường	Văn						6	5					2	7		5.5	3.8	6.3		Học lại
27	327401011	Hồ Ngọc	Vương	6	5													5.5	2.8			

Tổng số: 27 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	0	0.00
Khá	0	0.00

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	12	44.44
Không đạt	8	29.63
Miễn thi	0.00	0.00

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	7	25.93

Tp. HCM, ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Giáo viên bộ môn

Giáo Vụ Khoa